

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/KDTM-ST

Ngày: 24/03/2022

V/v: tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Lương Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tuấn Anh**

2. Bà **Ngô Thị Yêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Lê Thanh** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18, 24 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 31/2021/TLST-KDTM ngày 05/3/2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- KDTM ngày 01/03/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S (Việt Nam).

Trụ sở: Tòa nhà Miss Ao Dai, số 21 đường T, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trần A – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH ANT.

Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà LeadVisors Place, 41A Lý Thái Tổ, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H (Giấy ủy quyền số 210505/ANT-NTTH ngày 05/5/2021.

Bị đơn: Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam.

Trụ sở: Lô 1, khu T, tổ 12 thị trấn Đ, huyện Đ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến H – Giám đốc. Địa chỉ:

P808- CT4 khu đô thị Đ, xã Đ, huyện G, tp Hà Nội.

Có mặt: Đại diện nguyên đơn (bà H); Đại diện bị đơn (ông H) ngày xét xử.

Vắng mặt: Đại diện bị đơn (ông H) ngày tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo Đơn khởi kiện ngày 02/02/2021 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH S (Việt Nam) (Sau đây gọi tắt là Công ty S) do người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Công ty TNHH Thiết Bị Nặng Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty SARENS đã ký các hợp đồng gồm: Hợp đồng cho thuê cầu số 14-2014/SRVN-HLC ngày 29/07/2014 và các phụ lục; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh lốp 120T số 07/PI-2016/HLC-SARENS ngày 23/06/2016; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh lốp 60T số 06/PI-2016/HLC-SARENS ngày 23/06/2016; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh xích 200T số SC15-2016/SARENS-HLC ngày 18/07/2016; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh lốp 60T số SC18-2016/SARENS-HLC ngày 22/07/2016 và các phụ lục; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh xích loại 150T số SC25-2016/SARENS-HLC ngày 10/11/2016; Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh lốp 90T số SC26-2016/HLC-SARENS ngày 14/11/2016; và Hợp đồng cho thuê cần cẩu bánh lốp 70T số SC24-2016/HLC-SVN ngày 25/11/2016 (sau đây gọi là “Các Hợp Đồng”) trên cơ sở Công ty S đã đồng ý cho thuê các thiết bị theo giờ được nêu trong Các Hợp Đồng và đã cung cấp cho Công ty H các thiết bị theo đúng số lượng và thông số kỹ thuật như yêu cầu trong Các Hợp Đồng (sau đây gọi là “Thiết Bị”). Công ty H đã nhận đủ số lượng thiết bị theo đúng Hợp Đồng để phục vụ các dự án của mình.

Công ty H đã bàn giao và hoàn trả đầy đủ các Thiết Bị cho Công ty S sau thời hạn cho thuê. Tuy nhiên, Công ty H vẫn chưa thanh toán đầy đủ giá trị các hợp đồng. Tổng số nợ gốc chưa thanh toán theo các hóa đơn đến ngày xét xử là 6.756.034.631 đồng. Kể từ khi quá hạn thanh toán, Công ty S thường xuyên đôn đốc, yêu cầu Công ty H thanh toán đầy đủ theo cam kết đã ký tại các hợp đồng; đồng thời đã nhiều lần gửi yêu cầu giải quyết khoản nợ, nhưng Công ty H không trả nợ hoặc có bất kỳ kế hoạch nào để giải quyết khoản nợ. Ngoài tranh chấp liên quan đến thanh toán trên, Công ty S không có bất kỳ tranh chấp nào khác về tài sản cho thuê. Nay Công ty S đề nghị Tòa án buộc Công ty H phải trả toàn bộ tiền nợ gốc, lãi, phạt hợp đồng tính đến ngày 18/3/2022 là:

- Tiền nợ gốc: 6.756.034.631 đồng.
- Tiền phạt hợp đồng tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi

phạm là: 540.482.770 đồng.

- Tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến ngày xét xử: 3.358538193 đồng.

Công ty H còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa trả lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả kể từ ngày 19/3/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ tiền nợ cho Công ty S.

*** Bị đơn là Công ty H do ông Nguyễn Tiến H là giám đốc, đại diện theo pháp luật trình bày:** Công ty H có quan hệ thuê tài sản là cần cầu theo các hợp đồng như người đại diện theo ủy quyền của Công ty S đã trình bày. Về tiền nợ gốc, lãi, phạt vi phạm phía bị đơn nhất trí và đã ký biên bản chốt công nợ với Công ty S.

Do tình hình dịch bệnh phức tạp, công ty dừng hoạt động vì vậy đề nghị nguyên đơn miễn giảm toàn bộ tiền lãi và phạt chậm trả để Công ty H thu xếp trả nợ số tiền gốc 6.756.034.631 đồng trong thời gian từ nay đến tháng 01/2024 tất toán khoản vay.

Về án phí: Chúng tôi nhất trí chịu cả tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tính tiền lãi đến ngày xét xử. Phía bị đơn thừa nhận nợ như nguyên đơn trình bày, không thắc mắc gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty H phải trả tiền thuê tài sản còn nợ theo các hợp đồng thuê cần cầu giữa hai bên đã ký kết. Vì vậy Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là

“Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách pháp nhân của Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam: Tại công văn số 327/CCTT- ĐKKD ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cung cấp thông tin, tài liệu doanh nghiệp như sau:

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam
- Mã số doanh nghiệp: 0105872583
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 1 khu Tăng thiết giáp tổ 12 Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp trên chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động, chuyển đổi loại hình hay sáp nhập, chia tách doanh nghiệp.

Như vậy, về cơ sở pháp lý Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam vẫn đang tồn tại và hoạt động nên có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Các bên đương sự đều thừa nhận giữa 2 bên có ký kết Hợp đồng cho thuê cầu số 14-2014/SRVN-HLC ngày 29/07/2014 và các phụ lục hợp đồng.

Về số tiền nợ gốc: Công ty S yêu cầu Công ty H thanh toán tiền nợ thuê cần cầu chưa trả theo hóa đơn 6.756.034.631 đồng, công ty HLC thừa nhận còn nợ số tiền nợ gốc nêu trên và đã ký biên bản xác nhận công nợ. Nay Công ty S yêu cầu Công ty H trả tiền nợ gốc 6.756.034.631 đồng (sáu tỷ bảy trăm năm sáu triệu không trăm ba tư nghìn sáu trăm ba một đồng) là có căn cứ và được chấp nhận.

- Về Số tiền lãi phạt hợp đồng tương ứng 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là 540.482.770 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 300 Luật Thương mại 2005.

- Số tiền lãi do chậm thanh toán: 3.358.538.193 đồng (Ba tỷ ba trăm năm tám triệu năm trăm ba tám nghìn một trăm chín ba đồng) phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại nên được chấp nhận.

Tổng số tiền nợ tính đến ngày 18/03/2022 là: 10.655.055.594 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu không trăm năm mươi năm ngàn năm trăm chín tư đồng).

Do vậy, cần buộc Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam phải có nghĩa vụ trả Công ty TNHH S (Việt Nam) các khoản tiền trên và phải tiếp tục trả lãi từ ngày 19/03/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký trên dư nợ gốc thực tế.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 472, 473, 481 Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271, Điều 273, 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 300, 306 Luật Thương mại;

Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH S (Việt Nam) đối với Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam về việc tranh chấp hợp đồng thuê tài sản.

2. Buộc Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam phải trả nợ cho của Công ty TNHH S (Việt Nam) các khoản tiền tính đến ngày 18/03/2022 theo Hợp đồng cho thuê cầu số 14-2014/SRVN-HLC ngày 29/07/2014 và các phụ lục hợp đồng kèm theo tính đến ngày 18/3/2022 là:

- Tiền nợ gốc: 6.756.034.631 đồng.
- Tiền phạt vi phạm hợp đồng: 540.482.770 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 3.358.538.193 đồng.

Tổng cộng: 10.655.055.594 đồng

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định Thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được Thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được Thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất

cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH Thiết bị nặng H Việt Nam phải chịu 118.655.000 đồng (Một trăm mười tám triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí để sung công quỹ Nhà nước.

- Hoàn trả Công ty TNHH S (Việt Nam) số tiền 58.952.000 đồng (Năm mươi tám triệu chín trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0008807 ngày 05/03/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Võ Lương Vân